

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

#### Nhận định thị trường:

#### Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index              | 367.40 ↑ | 1.37     | 0.37%   |
| KLGD (triệu ck)       | 37.32 ↓  | -27.34   | -42.29% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 613.53 ↓ | -301.07  | -32.92% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 39.31 ↓  | -24.44   | -38.34% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 29.88 ↓  | -22.05   | -42.46% |
| Giao dịch NN          |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 6.39 ↓   | -4.15    | -39.36% |
| KL bán (triệu ck)     | 4.40 ↓   | -2.85    | -39.28% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 185.46 ↓ | -79.32   | -29.96% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 127.37 ↓ | -53.26   | -29.48% |

Theo thống kê của NHNN, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống trong năm 2011 dự kiến chỉ ở mức 12 – 13%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đã điều chỉnh là 15 – 16%, và là mức thấp nhất chưa từng có trong lịch sử phát triển ngành ngân hàng.

Bộ trưởng Bộ Tài chính Vương Đình Huệ vừa ký ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTC về việc bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Thìn và quý 1/2012.

Theo đó, về công tác bình ổn giá, Bộ trưởng Bộ Tài chính yêu cầu giám đốc sở tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của địa phương theo dõi sát diễn biến cung cầu và tình hình giá cả thị trường.

Bộ Công Thương vừa có quyết định cho phép Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tăng giá bán điện bình quân lên 5% từ 20/12/2011. Theo đó, giá bán điện bình quân là 1.304 đ/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), tăng 62 đ/kWh so với giá bán điện bình quân hiện hành (1.242 đ/kWh), thời gian áp dụng từ ngày 20/12/2011. Đối với giá bán điện sinh hoạt bậc thang 0 - 50 kWh cho hộ nghèo và bậc thang 0 - 100 kWh, tạm thời không tăng trong lần điều chỉnh giá điện này.

Việc tăng giá điện không quá bất ngờ với thị trường, ngược lại nếu có sự so sánh tương quan thì mức tăng giá bán điện bình quân 5% là mức thấp hơn nhiều so với đợt tăng hồi tháng 3/2011 (hơn 15%), và thấp hơn cả mức dự kiến trước đó. Bên cạnh đó, các mã cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như VCB, CTG ... đang tăng giá mạnh và có thể hỗ trợ rất tích cực tới thị trường trong những phiên sắp tới. Nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển sang trạng thái mua ròng mạnh phiên thứ ba liên tiếp.

Những yếu tố trên cho thấy khả năng tiếp tục giảm mạnh của thị trường sẽ khó xảy ra. Mặc dù vậy trong ngắn hạn, thị trường vẫn có khả năng dao động mạnh hơn trước tác động của những thông tin vĩ mô sắp công bố như mức lạm phát, diễn biến tỷ giá, thị trường vàng và những chỉ tiêu, số liệu khác trong hệ thống ngân hàng sắp được công bố vào cuối năm. VN-Index có thể sẽ được hỗ trợ tốt nếu diễn biến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục tích cực còn HNX-Index có khả năng dao động trong khoảng 55 – 64 điểm. Nhà đầu tư giữ cổ phiếu nên tạm dừng trạng thái bán ròng, ngược lại có thể tận dụng những phiên thị trường giảm để tích lũy những cổ phiếu tốt cho danh mục với mức giá hợp lý.

Duong Dao, Analyst

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888 Fax: 393439999

**HNX:****Nhận định thị trường:****Tổng quan thị trường**

|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| HNX-Index             | 60.22 ↑  | 0.39     | 0.65%   |
| KLGD (triệu ck)       | 26.63 ↓  | -3.10    | -10.43% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 230.20 ↓ | -24.39   | -9.58%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 35.05 ↑  | 2.09     | 6.33%   |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 29.81 ↓  | -12.96   | -30.30% |
| <b>Giao dịch NN</b>   |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 1.62 ↓   | -0.58    | -26.50% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.36 ↓   | -0.10    | -22.41% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 16.95 ↓  | -4.88    | -22.36% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 4.61 ↓   | -0.54    | -10.46% |

*Đồ thị HNX-Index.*

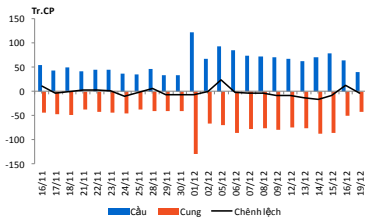
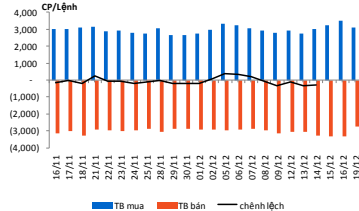
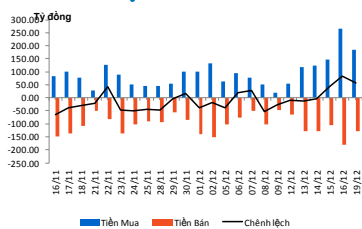
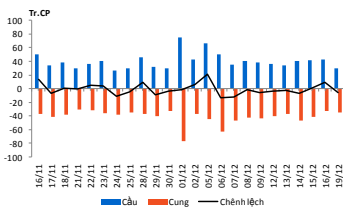
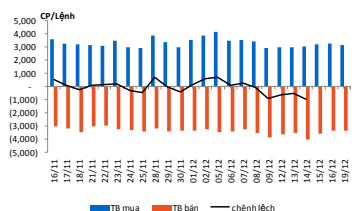
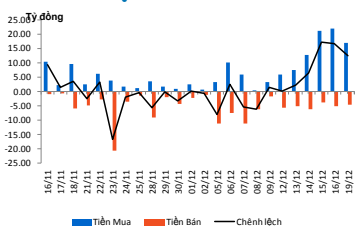
HNX-Index hiện tại đang trong kênh giảm trung – dài hạn, tuy nhiên trong ngắn hạn thị trường có ba tín hiệu kỹ thuật tương đối tích cực:

Thứ nhất, là trạng thái quá bán kỹ thuật thể hiện khi chỉ số giảm mạnh trong 8 phiên giảm trước đó. Trạng thái này cho thấy xác suất phục hồi có thể xảy ra.

Thứ hai: nguồn cung giá thấp tạm thời cạn kiệt thể hiện qua sự phân kỳ tăng của công cụ dòng tiền MFI (trên hình vẽ). Điểm đáng chú ý: đây không phải là phân kỳ ngắn hạn mà là phân kỳ trung hạn, cho thấy ở thời điểm hiện tại, dòng tiền tham gia thị trường đã tích cực hơn rất nhiều so với cách đây 1 tháng.

Điểm thứ ba: HNX-Index đang ở gần hỗ trợ mạnh. Vùng 55 – 56 điểm là vùng đáy kênh dao động trung hạn và có sức hỗ trợ chỉ số rất mạnh.

*HNX-Index có thể dao động mạnh do bị ảnh hưởng bởi những yếu tố vĩ mô sắp được công bố trong ngắn hạn. Mặc dù vậy, khả năng giảm sâu sẽ khó xảy ra khi HNX đã ở gần vùng hỗ trợ 55 – 56 điểm. Ngược lại, nếu như những thông tin công bố mang đến tâm lý tích cực thì xác suất thị trường phục hồi sẽ có khả năng xảy ra cao. Nhà đầu tư nên tạm dừng trạng thái bán ròng, đồng thời có thể tận dụng những phiên giảm mạnh để tích lũy dần các mã cổ phiếu tốt vào danh mục. Theo đó, nhà đầu tư nên ưu tiên giải ngân mạnh nếu chỉ số sàn Hà Nội ở gần mức hỗ trợ nêu trên.*

**HSX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

VN-Index khép lại đợt khớp lệnh thứ nhất với mức giảm nhẹ 0.32 điểm, tức 0.09% chốt tại 365.71 điểm, chủ yếu do sự tác động của VIC (-3.09%), và PNJ (-1.96%). Trong khoảng 30 phút giao dịch khớp lệnh liên tục, VN-Index vẫn linh xình với mức giá giảm chủ yếu do tác động bởi các mã cổ phiếu lớn cho đến 9h30, VN-Index đảo chiều tăng điểm khi BVH, MSN lần lượt quay về mức tham chiếu và VCB tăng kịch trần. Tuy nhiên về cuối đợt 2, mặc dù VCB và CTG cùng một loạt bluechips khác tiếp tục tăng trần nhưng VN-Index vẫn giảm 0.83 điểm do chịu tác động lớn từ các trụ cột VIC, MSN và STB. Cuối phiên, VN-Index bật tăng 1.37 điểm vào cuối phiên, tương ứng 0.37% chốt tại 367.4 điểm nhờ MSN, BVH, VNM bật tăng trở lại.

Thanh khoản đạt thấp hơn nhiều so với phiên trước, toàn sàn có 37.3 triệu đơn vị chuyển nhượng, trị giá 613.52 tỷ đồng. Trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm đến 16.34 triệu đơn vị, tương đương 314.69 tỷ đồng

**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Đợt khớp lệnh đầu tiên, mặc dù các mã chủ chốt như KLS, VND, WSS, HBS, đều trong tình trạng giảm nhẹ, nhưng HNX-Index vẫn ghi nhận mức tăng 0.44 điểm, tức 0.74% lên 60.27 điểm. Trong các phút đầu đợt khớp lệnh liên tục, giao dịch giăng co khá mạnh, khiến chỉ số liên tục biến động trên mốc 60 điểm, đến 9h15, HNX-Index tạm tăng 0.43 điểm, tức 0.72%. Đến 10h00, HNX-Index ghi nhận mức tăng đáng kể lúc 10h00, với 0.96 điểm, tức 1.6% lên 60.79 điểm, dẫn đầu các mã tăng là VCG (+1.08%), HBB (+4.55%), PVX (+1.27%). Chốt đợt 2, HNX-Index tăng 0.52 điểm, tương đương 0.87% tạm giao dịch ở mức 60.35 điểm. Cuối phiên, mặc dù lượng cổ phiếu giảm giá chiếm tỷ trọng lớn với 129 mã, HNX-Index vẫn nhích nhẹ 0.36 điểm, tức 0.6% chốt tại 60.19 điểm.

Thanh khoản tại sàn này cũng sụt giảm mạnh, chỉ còn 26.63 triệu đơn vị, trị giá 230.2 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận cũng chiếm tỷ trọng lớn với 6.66 triệu đơn vị, tương đương 61 tỷ đồng.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 26 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 5 cổ phiếu tăng giá, 7 cổ phiếu đứng giá và 14 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVR (tăng 6,85%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PSG (giảm 5,26%), PSI (giảm 5,26%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,75% và tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 4,25 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 19/12:

| STT | Mã  | Tên công ty                                   | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|-----------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị          | 5,400              | -         | 0.00          | 0.47  | 15.88         | HNX           |
| 2   | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                 | 2,500              | 100       | 4.17          | 0.23  | 19.23         | HNX           |
| 3   | PFL | CTCP Dầu khí Đồng Đô                          | 3,900              | 45,200    | -2.50         | 0.23  | 0.38          | HNX           |
| 4   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam         | 21,200             | 342,900   | -3.64         | 1.24  | 45.07         | HNX           |
| 5   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN     | 10,000             | 121,600   | 0.00          | 0.82  | 43.48         | HNX           |
| 6   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 4,100              | -         | 0.00          | 0.38  | N/A           | HNX           |
| 7   | PSG | CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn        | 3,600              | 500       | -5.26         | 0.33  | 2.71          | HNX           |
| 8   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                      | 3,600              | 188,200   | -5.26         | 0.36  | 0.54          | HNX           |
| 9   | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 12,400             | 123,200   | -1.59         | 0.74  | 5.66          | HNX           |
| 10  | PVE | Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí       | 9,500              | 22,900    | -3.06         | 1.66  | 6.83          | HNX           |
| 11  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc         | 11,700             | 180,600   | -0.85         | 0.75  | 5.91          | HNX           |
| 12  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                    | 18,800             | 557,400   | 3.30          | 0.81  | 24.10         | HNX           |
| 13  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN    | 7,800              | 22,100    | 6.85          | 0.75  | 2.09          | HNX           |
| 14  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí            | 13,000             | 305,100   | -2.99         | 1.10  | 4.89          | HNX           |
| 15  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN                  | 7,800              | 1,252,500 | -1.27         | 0.34  | 1.26          | HNX           |
| 16  | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam                  | 22,900             | 4,760     | -0.43         | 1.37  | 4.42          | HSX           |
| 17  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí     | 24,700             | 163,480   | -0.40         | 1.48  | 3.99          | HSX           |
| 18  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | 11,400             | 83,990    | -1.72         | 1.02  | 6.23          | HSX           |
| 19  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN         | 31,000             | -         | 0.00          | 2.09  | 9.32          | HSX           |
| 20  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí         | 4,500              | 46,210    | 2.27          | 0.40  | 3.11          | HSX           |
| 21  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí      | 34,700             | 93,760    | 0.29          | 2.67  | 13.30         | HSX           |
| 22  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                   | 9,000              | 334,070   | -2.17         | 0.80  | 10.76         | HSX           |
| 23  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                     | 3,600              | 313,630   | 0.00          | 0.46  | 28.41         | HSX           |
| 24  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí  | 4,400              | 13,230    | 0.00          | 0.37  | 1.00          | HSX           |
| 25  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung               | 5,200              | 19,330    | -3.70         | 0.47  | 5.90          | HSX           |
| 26  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí      | 8,500              | 11,680    | 0.00          | 0.77  | N/A           | HSX           |
| 27  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí        | 4,400              | 12,060    | -2.22         | 0.44  | N/A           | HSX           |
| 28  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | 6,800              | 5,000     | 0.00          | N/A   | N/A           | UPCOM         |
| 29  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                | 5,800              | -         | 0.00          | N/A   | N/A           | UPCOM         |
| 30  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ             | 4,500              | 7,200     | 2.27          | 0.40  | N/A           | UPCOM         |
| 31  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đồng Dương               | 3,800              | -         | 0.00          | 0.38  | N/A           | UPCOM         |

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

| Công ty                                           | VĐL<br>(tỷ đồng) | Tổng số CP<br>chào bán | Giá khởi<br>điểm<br>(đ/cp) | Ngày đấu giá |
|---------------------------------------------------|------------------|------------------------|----------------------------|--------------|
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh     | 34.69            | 924.709                | 10.000                     | 27/10/2011   |
| Công ty cổ phần Thức ăn chăn nuôi Bạc Liêu        | 17               | 1.539.717              | 10.000                     | 26/10/2011   |
| Công ty Tài Chính Cổ phần HANDICO (HAFIC)         | 350              | 7.000.000              | 11.500                     | 11/10/2011   |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây lắp và Phát triển Nhà | 37.76            | 1.123.581              | 10.000                     | 03/08/2011   |

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty                                          | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|----------------|
| Tổng CTCP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam | HNX                         | 263              | 03/10/2011     |
| CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao         | HNX                         | 540              | 03/10/2011     |
| CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau    | HNX                         | 50               | 03/10/2011     |
| CTCP Châu Á                                      | HNX                         | 36               | 27/09/2011     |
| Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng ACB                       | HOSE                        | 240              | 19/08/2011     |

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

| Công ty                                     | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày được chấp<br>thuận |
|---------------------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| CTCP Tập đoàn FLC                           | HSX                         | 170              | 09/09/2011              |
| CTCP CNG Viet Nam                           | HSX                         | 162              | 05/09/2011              |
| CTCP Khai Tác và Chế biến Khoán Sản Lào Cai | HSX                         | 85               | 05/09/2011              |
| CTCP Thủy Sản Cửu Long                      | HSX                         | 80               | 25/08/2011              |

### Lịch niêm yết lần đầu

| Công ty                               | Mã CK | Địa chỉ<br>niêm yết | Vốn điều<br>lệ (tỷ đồng) | Ngày giao<br>dịch |
|---------------------------------------|-------|---------------------|--------------------------|-------------------|
| CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam | PPE   | HNX                 | 20                       | 20/09/2011        |
| CTCP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân   | GMX   | HNX                 | 53                       | 15/09/2011        |
| CTCP Tập đoàn FLC                     | FDT   | HNX                 | 30,5                     | 12/09/2011        |
| Công ty cổ phần Licogi 14             | L14   | HNX                 | 28                       | 13/09/2011        |

Nguồn: HSX, HSX

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| STB | 14,800     | 14,800   | 0.00  | 69,580,589                         |
| VIC | 94,500     | 99,000   | 4.76  | 136,972,075                        |
| DPM | 25,200     | 24,100   | -4.37 | 32,639,171                         |
| SSI | 15,400     | 15,000   | -2.60 | 24,037,183                         |
| REE | 11,300     | 11,100   | -1.77 | 15,947,374                         |

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| KLS | 9,600      | 9,300    | -3.12 | 39,742                             |
| VND | 9,400      | 9,100    | -3.19 | 26,793                             |
| SCR | 6,900      | 6,700    | -2.90 | 26,401                             |
| PVX | 7,900      | 7,600    | -3.80 | 21,183                             |
| HBS | 14,000     | 14,000   | 0.00  | 20,291                             |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± %   |
|-----|------------|----------|------|-------|
| VKP | 800        | 900      | 100  | 12.50 |
| CNT | 8,000      | 8,400    | 400  | 5.00  |
| KBC | 12,100     | 12,700   | 600  | 4.96  |
| GDT | 14,300     | 15,000   | 700  | 4.90  |
| TMS | 18,500     | 19,400   | 900  | 4.86  |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| KTS | 18,600     | 19,900   | 1,300 | 6.99 |
| PVS | 12,900     | 13,800   | 900   | 6.98 |
| NST | 10,100     | 10,800   | 700   | 6.93 |
| VHL | 23,800     | 25,400   | 1,600 | 6.72 |
| L35 | 4,600      | 4,900    | 300   | 6.52 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| VES | 1,800      | 1,700    | -100   | -5.56 |
| CAD | 1,900      | 1,800    | -100   | -5.26 |
| MSN | 100,000    | 95,000   | -5,000 | -5.00 |
| UDC | 4,000      | 3,800    | -200   | -5.00 |
| FDG | 14,000     | 13,300   | -700   | -5.00 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| HHC | 15,800     | 14,700   | -1,100 | -6.96 |
| SJE | 7,200      | 6,700    | -500   | -6.94 |
| VC3 | 23,100     | 21,500   | -1,600 | -6.93 |
| BVG | 2,900      | 2,700    | -200   | -6.90 |
| VE1 | 2,900      | 2,700    | -200   | -6.90 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VIC | 39,756                | STB | 18,424                |
| DPM | 16,844                | DPM | 14,830                |
| VCB | 10,389                | BVH | 11,356                |
| HAG | 9,210                 | VIC | 9,389                 |
| PNJ | 8,683                 | CTG | 8,722                 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VCG | 5,659                 | PVS | 2,565                 |
| PVS | 4,918                 | PGS | 427                   |
| KLS | 4,852                 | AVS | 310                   |
| PVX | 2,584                 | ICG | 186                   |
| ICG | 1,249                 | SDH | 96                    |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



**PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hà Nội*

**Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999**

*Chi nhánh Nam Định*

**Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979**

*Chi nhánh Thanh Hoá*

**Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá**

*Chi nhánh Nghệ An*

**Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**